

Bản án số: 110/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-12-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Dung

2. Bà Bùi Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXX-ST ngày 20/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T; địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Đỗ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L kết hôn với nhau do tự nguyện, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn tại UBND xã Quốc Tuấn, huyện An Hải (nay là huyện An Dương) năm 1986. Quá trình chung sống đôi bên xảy ra mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp; bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả; đã sống ly thân nhau. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn bà L. Về con chung: Ông T và bà L có hai con là Đỗ Duy K sinh năm 1987 và Đỗ Anh S sinh năm 1989 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị L trình bày: Thống nhất với trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Tại bản tự khai ngày 30/8/2024 bà L có quan điểm đồng ý ly hôn với điều kiện ông T phải có trách nhiệm giải quyết xong các khoản nợ mà con chung đã vay của chị em ruột bà. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Cho ly hôn giữa ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông T và bà L được Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Hải (nay là huyện An Dương) cấp chứng nhận kết hôn ngày 09/4/1986 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên đã trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[4] Về con chung: Ông T và bà L có các con như trình bày ở trên là đúng. Các con đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Không bên nào yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Ông Đỗ Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; T xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L.

Về con chung và tài sản chung: Ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Đỗ Văn T phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 8553 ngày 16/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Ông T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- UBND xã Quốc Tuấn, huyện An Dương;
(Cơ quan cấp ĐKKH ngày 09/4/1986);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng